

Đặc trưng ngôn ngữ trong văn bản Nga xung quanh cuộc chiến Nga-Gru-dia

Nguyễn Quý Mão*

*Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Nga, Trường Đại học Ngoại ngữ,
Đại học Quốc gia Hà Nội, Đường Phạm Văn Đồng, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 21 tháng 10 năm 2008

Tóm tắt. Đêm ngày 7 tháng 8 Gru-dia huy động các lực lượng tấn công lớn trên không và trên mặt đất nhằm giành lại sự kiểm soát vùng Nam Ô-xét-chia, buộc cho Nga phải gửi xe tăng và binh lính vào cuộc chiến. Ngày 12 tháng 8 Nga tuyên bố chấm dứt chiến dịch sau khi đã buộc Gru-dia phải chấp nhận hoà bình. Cuộc xung đột vũ trang đã là đề tài nóng bỏng cho các Hãng thông tấn, ti vi, báo chí trên toàn thế giới. Tiếng Nga đã được sử dụng chính xác, hữu hiệu để trình bày quan điểm chính thống của Nga về cuộc chiến, về mối quan hệ của Nga, NATO và Hoa Kỳ. Bài viết này nhằm phân tích các đặc điểm ngôn ngữ Nga trong các phát biểu, trả lời phỏng vấn của các chính khách nổi tiếng.

Sau khi Liên bang Xô Viết tan rã 1991, 14 nước Cộng hoà đã tách khỏi Liên bang trở thành các Quốc gia độc lập. Khoảng 22 triệu người Nga vốn đang sinh sống tại các nước cộng hoà trên mắc kẹt tại đó và trở thành cộng đồng thiểu số nói tiếng Nga.

Cùng với sự tan rã của Liên Xô, các khuynh hướng lí khai, chủ nghĩa dân tộc, khuynh hướng bài Nga, thân phương Tây, ngày càng phát triển, gây căng thẳng giữa Liên bang Nga và một số nước vốn thuộc Liên bang Xô Viết trước đây, điển hình là U-cra-ina, Gru-dia và một số nước cận biển Ban-tích.

Các nước Cộng hoà Nam Ô-xét-chia, Áp-kha-dia và Ád-ra-dia vốn được hưởng quyền tự trị đặc biệt từ thời Liên Xô. Sau nhiều tranh cãi, kể cả xung đột vũ trang, Cộng hoà Ád-ra-dia đã

trở về trong lòng Gru-dia. Còn hai nước còn lại vẫn dứt khoát đòi độc lập và tách ra khỏi Gru-dia.

Tại hai nước Cộng hoà này mà thủ phủ là thành phố Xu-khu-mi (nơi trước đây đã từng có nghiên cứu sinh Việt Nam theo học về các ngành trồng và chế biến chè...) và thành phố Tsun-va-li phần đông dân chúng là người Nga với văn hoá, tập tục, cách sống của người Nga. Họ được cấp Hộ chiếu Nga và trong thực tế được Nga ủng hộ, giúp đỡ nhiều về kinh tế.

Cuộc chiến được Grudia phát động vào đêm 7/8/2008 ngày nhằm đánh chiếm thủ phủ Tsun-va-li, Nam Ô-xét-chia đã là giọt nước cuối cùng làm tràn li những tranh cãi dai dẳng về tư cách pháp nhân của hai nước cộng hoà này. Trong xung đột đã sử dụng những vũ khí, khí tài hiện đại nhất có thể như máy bay trinh thám không người lái (do Ix-ra-en chế tạo), máy bay tiêm kích CU-25, xe tăng hạng nặng, cụm tên lửa tự hành GRAD (mưa đá - град).

*ĐT: 84-4-37549954.

E-mail: maonguyenquy@yahoo.com

Có nhiều thông tin, văn bản liên quan đến bản thân cuộc chiến và quan hệ quốc tế giữa các bên liên quan. Bài báo này chỉ phân tích những đặc trưng ngôn ngữ, từ vựng - ngữ nghĩa trong các *trích đoạn* tuyên bố, phỏng vấn, phân tích của những chính khách nổi tiếng, trước hết là Tổng thống Nga Đmi-tri Med-ve-đép và Thủ tướng Nga Vla-di-mia Pu-tin và các nhà bình luận nổi tiếng trên thế giới.

Văn bản tiếng Nga với các phương tiện ngôn ngữ được sử dụng chính xác đã truyền tải

quan điểm cứng rắn và rõ ràng của Nga về cuộc xung đột vũ trang với Gru-dia, về hậu quả kinh tế của cuộc xung đột, về việc Mỹ triển khai tên lửa đánh chặn tại Ba Lan, và về các nguyên tắc trong chính sách đối ngoại của Nga.

Bài báo so sánh với văn bản tiếng Anh ở những chỗ cần thiết.

Phần *in nghiêng* của văn bản trích dẫn chứa đựng đặc điểm về ngữ nghĩa từ vựng và các phương tiện ngôn ngữ đã được sử dụng.

1. Văn bản trả lời phỏng vấn của Hãng Truyền hình CNN (phóng viên Matthew Chance) của Thủ tướng Vla-di-mia Pu-tin [1,2]

Nga	Anh	Đặc điểm từ vựng, cấu trúc - ngữ nghĩa
<p>М.ЧАНС: Многие люди в мире считают Вас ... главным руководителем в этой стране и считают, что именно Вы отдали приказ о вводе российских войск в Грузию...</p>	<p>Matthew Chance: Many people around the world ... see you as the main decision maker in this country. Wasn't you that ordered Russian forces into Georgia ...</p>	<p>- Câu đơn ngắn gọn, ngăn cách bằng dấu phẩy giúp khẳng định Thủ tướng Pu-tin không phải là người ra lệnh đưa quân Nga vào Nam Ô-xét-chia. Đó là quyết định của Tổng thống Nga Med-ve-đép, Tổng chỉ huy tối cao các lực lượng vũ trang Nga. - Việc nhắc lại lần cuối không để lại bất cứ sự hoài nghi nào cho người đọc về việc ai là người ra quyết định trên.</p>
<p>В.В.ПУТИН: Это, конечно, не так. ...</p> <p><i>Ваш покорный слуга</i> находился в это время, как известно, на открытии Олимпийских игр в Пекине...</p>	<p>Vladimir Putin: Of course, that's not the case. ...</p> <p>As is known, <i>yours truly</i> was at that time at the opening of the Olympic Games in Beijing...</p>	<p>- Từ ngữ "<i>Ваш покорный слуга</i>" nhấn mạnh sự khiêm tốn, chỉ là "Kẻ tôi tớ/đầy tớ trung thành của các ngài", có pha chút khôi hài, hóm hỉnh (chứ không phải đại từ nhân xưng "Я"). Nhóm từ này được truyền đạt bằng "Yours truly" như thường thấy trong các thư từ tiếng Anh, giúp tạo không khí cởi mở trong cuộc phỏng vấn.</p>
<p>Но, повторю еще раз, принять такое решение мог только Президент Российской Федерации, Верховный Главнокомандующий Вооруженными Силами господин Медведев. Это его решение.</p>	<p><i>But, I repeat</i>, such a decision could only be taken by the president of the Russian Federation, the commander in chief of the armed forces, Mr. Medvedev. <i>It's his decision.</i></p>	
<p>М.ЧАНС: Не является ли этот конфликт, эти события вашей демонстрацией того,</p>	<p>Matthew Chance: Wasn't this conflict a way of demonstrating that</p>	<p>- Câu trả lời cho câu hỏi dùng ngữ điệu với từ "tất nhiên", phủ định giả thuyết của người hỏi.</p>

что в этом регионе власть или сила действительно за Россией, и здесь вы определяете ход событий?

В.В.ПУТИН: Конечно, нет. Более того, мы не стремились к конфликтам подобного рода и не хотим их в будущем.

И ответственность за эти жертвы, конечно, лежит на сегодняшнем грузинском руководстве, которое решилось на эти преступные акции.

Мы надеялись, что Администрация США вмешается в этот конфликт и остановит агрессивные действия грузинского руководства. Ничего подобного не произошло.

Кто на кого напал? Мы ни на кого не собираемся нападать и ни с кем не собираемся воевать.

Но если кто-то считает, что можно прийти убивать нас, что наше место на кладбище, то эти люди должны задуматься о последствиях такой политики для самих себя.

Ну что сделать? У нас

in this region, it's Russia that's the power, not NATO and certainly not the United States?

Vladimir Putin: Of course not. What is more, we did not seek such conflicts and do not want them in the future.

The responsibility for the loss of life rests squarely with the present Georgian leadership, which dared to take these criminal actions.

We were hoping that the U.S. administration would intervene in the conflict and stop the aggressive actions of the Georgian leadership. Nothing of the kind happened.

So who was the attacker, and who was attacked? We have no intention of attacking anyone, and we have no intention of going to war with anyone.....

But if anyone thinks that they can come and kill us, that our place is at the cemetery, they should think what consequences such a policy will have for them.

So what's to be done? What choice

- Thẻ quá khứ của động từ, khẳng định Nga không hướng tới sự xung đột trong khu vực, không phô trương sức mạnh.

- Thẻ hiện tại của động từ chưa hoàn thành nêu rõ ý định Nga không bao giờ muốn có xung đột trong tương lai.

- Dùng từ “đương nhiên” để khẳng định trách nhiệm của Gru-dia.

- Động từ phản thân “*решилось*” chỉ rõ sự liều mạng, vô trách nhiệm trong hành động của Gru-dia mà ông gọi là “hành động tội ác”.

- Động từ quá khứ chưa hoàn thành chỉ sự mong muốn, hi vọng vào sự can thiệp của Mỹ.

- Động từ hoàn thành thời tương lai và thời quá khứ biểu hiện sự can thiệp sẽ chấm dứt hoạt động xâm lược của Gru-dia, song điều đó đã không xảy ra.

- Câu hỏi diễn thuyết “Ai tấn công ai?”, và cùng với nó là động từ “*собираемся*” mang sắc thái biểu cảm mạnh. Sự lặp lại của âm “át” của hai động từ “tấn công” và “chiến đấu” là cách chơi chữ rất hùng biện, khẳng định Nga không có ý định tấn công, không có ý định tiến hành chiến tranh với bất kì ai.

- Động từ trên đã được truyền đạt rất thành công sang tiếng Anh “*no intention of attacking, no intention of going to war*”.

- Câu giả định với đại từ không xác định nêu rõ ràng hàm ý cảnh báo sâu xa về hậu quả của chính sách không thân thiện với Nga.

- Động từ tình thái “*должны*” khẳng định sự cần thiết phải cân nhắc kĩ lưỡng.

- Động từ “*задуматься*” chỉ sự cân nhắc thận trọng, chứ không chỉ suy nghĩ đơn thuần. Tuy nhiên, do có sự khác biệt trong ngôn ngữ, nội hàm của động từ này chỉ được truyền đạt qua tiếng Anh bằng “*think*”.

- Câu hỏi diễn thuyết, chỉ rõ tính

какой выбор? С одной стороны, мы что, должны позволить себя убивать, но за это сохраниться, скажем, в "восьмерке"? А кто будет сохраняться в "восьмерке", если всех нас убьют?

Это же не наши корабли пришли к вашим берегам, а ваши пришли к нашим. Выбор у нас какой?

Мы не хотим никаких осложнений, мы не хотим ни с кем ругаться, не хотим ни с кем воевать. Мы хотим нормального сотрудничества и уважительного отношения к нам и нашим интересам. Это разве много?

do we have? On one hand, should we agree to being killed in order to remain, say, in the G-8? And who will remain in the G-8 if all of us are killed?

It is not our ships that have approached your shores; it's your ships that have approached ours. So what's our choice?

We don't want any complications; we don't want to quarrel with anyone; we don't want to fight anyone. We want normal cooperation and a respectful attitude toward us and our interests. Is that too much?

không có căn cứ trong việc đe dọa của phương Tây loại Nga ra khỏi tổ chức G 7.

- Sử dụng đại từ nghi vấn ngay sau đại từ nhân xưng “мы что” nhấn mạnh sự vô lí trong nội dung câu hỏi của phóng viên.

- Câu phụ đẳng lập với liên từ đối lập “а” cùng với nghĩa đối lập của tính từ sở hữu “наши/нашии” và câu hỏi diễn thuyết khẳng định sự kiểm chế của Nga khi các tàu chiến NATO tiến vào bờ biển Hắc Hải.

- Câu đơn ngắn gọn với sự nhắc đi nhắc lại “Chúng tôi không muốn” cùng với câu hỏi diễn thuyết khẳng định chính sách muốn chung sống hoà bình và hợp tác hữu nghị, tôn trọng Nga và các quyền lợi của Nga.

2. Văn bản trả lời phỏng vấn chương trình “Tin tức Thứ Bảy - "Вести в субботу" của Thủ tướng Pu-tin (về khả năng ảnh hưởng của xung đột đến kinh tế Nga và hợp tác kinh tế giữa Nga và các nước thành viên NATO) [3,4]

<p>"Очень много есть из того, чем мы располагаем, и без чего наши партнеры просто не могут существовать, либо им будет очень тяжело", - сказал Путин в интервью программе "Вести в субботу".</p> <p>"Все, чем мы располагаем, - это дефицит в мировой экономике", - отметил премьер РФ.</p>	<p>- Câu phức phụ thuộc khẳng định tiềm năng to lớn của nguồn tài nguyên của Nga. Những gì Nga có dưới lòng đất thực sự là khan hiếm trong nền kinh tế toàn cầu.</p>
<p>"Международная космическая станция не может существовать сейчас без наших ракетносителей", - отметил он.</p>	<p>- Câu phủ định kép “не может ...без” khẳng định vai trò tên lửa đẩy của Nga trong Trạm Vũ trụ quốc tế.</p>
<p>"Как бы там ни было, и что бы там не говорили, а правда на нашей стороне. Мы ведем себя абсолютно морально и в рамках действующего международного права. Если кто-то из европейских стран хочет обслуживать чьи-то внешнеполитические интересы, то пожалуйста, мы же не можем остановить", - отметил глава российского правительства.</p>	<p>- Câu giả định khẳng định sự thật thuộc về Nga và đại từ bất định “кто-то, чьи-то” cảnh báo cho các quốc gia châu Âu trong việc phục vụ lợi ích của nước ngoài. Sự tế nhị trong ngoại giao ở đây đã được tác giả quán triệt. Pu-tin đã không nêu tên cụ thể của một quốc gia nào. Việc của ai người đó tự hiểu.</p>
<p>"То, что к нам поступает на рынок, в общем, в достаточном количестве присутствует на тех или других мировых площадках. Поэтому я не вижу здесь никаких серьезных проблем, которые могли бы возникнуть", - сказал</p>	<p>- Câu phức phụ thuộc với cụm từ lựa chọn “на тех или других”, phủ định, và thức giả định “могли бы” đã trấn an những lo lắng có thể có trong dân chúng về các nguồn</p>

Владимир Путин.	cung hàng hoá từ nước ngoài vào thị trường Nga.
"Но я думаю, что, как в таких случаях говорят, <i>своя рубашка ближе к телу</i> , и думаю, что даже этим достаточно грубоватым, но все-таки весьма образным выражением многие наши, и прежде всего европейские партнеры, будут руководствоваться".	- Câu ngạn ngữ Nga có nghĩa đen “Áo của mình gần/vừa với cơ thể mình nhất - Việc ai nấy lo/Thân ai nấy lo/Quyền lợi của bản thân là trước hết”. Việc dùng câu ngạn ngữ mà chính Thủ tướng cũng nói là hơi thô thiển một chút biểu hiện sự tin tưởng là các nước châu Âu cuối cùng rồi cũng phải đặt lợi ích dân tộc mình, quốc gia mình lên trên hết.

3. Văn bản trả lời phỏng vấn của 3 kênh truyền hình Nga của Tổng thống Nga Đmi-tri Med-ve-đép tại Dinh Tổng thống ở Xô-tri (5 nguyên tắc chủ đạo trong chính sách đối ngoại của Nga) [5,6]

Прежде всего, Россия <i>признает</i> первенство основополагающих принципов международного права, которые <i>определяют</i> отношения между цивилизованными народами	- Động từ chưa hoàn thành thể nêu rõ Nga luôn luôn thừa nhận vị trí độc tôn của công pháp quốc tế xác định quan hệ quốc tế giữa các dân tộc văn minh.
"Второе - мир должен быть <i>многополярен</i> . <i>Однополярность неприемлема</i> ",Россия не "может принять такое мироустройство, в котором все решения принимаются одной страной, даже такой серьезной, как США". " <i>Такое мир неустойчив и грозит конфликтами</i> ",	- Dạng rút gọn của tính từ nhấn mạnh thế giới phải là đa cực. Một cực là không thể chấp nhận được. Nước Nga không chấp nhận một cơ cấu thế giới mà trong đó chỉ có một quốc gia ra tất cả mọi quyết định, cho dù đó là một quốc gia hùng mạnh như Mỹ. Thế giới như vậy không bền vững và tiềm ẩn xung đột.
"Россия <i>не собирается</i> изолироваться. Мы будем развивать <i>настолько, насколько</i> возможно, наши дружеские отношения с Европой и США и с другими странами мира".	- Lại một lần nữa (như Thủ tướng Pu-tin đã dùng) động từ “собирается” được dùng: Nga không có ý định để bị cô lập. - Câu phức chỉ mức độ với cấu trúc “настолько, насколько” chỉ rõ Nga chỉ phát triển quan hệ tốt với châu Âu, với Mỹ, với các quốc gia khác chừng nào có thể (Chứ không phải mọi giá).
Мы будем также защищать интересы нашего предпринимательского сообщества за границей. <i>И всем должно быть понятно, что все, кто будет совершить агрессию, получат ответ</i> ".	- Cấu trúc cách 3 dùng nhấn mạnh tất cả phải hiểu rằng kẻ nào xâm lược sẽ phải bị đánh trả. Chủ thể để ở cách 3 ở đây hàm ý sự nhất thiết “sẽ bị trừng phạt”, dù muốn hay không. Nga cũng sẽ bảo vệ quyền lợi của cộng đồng doanh nghiệp Nga ở nước ngoài.
"У России, как у других стран мира, есть регионы, в которых находятся привилегированные интересы. В этих регионах расположены страны, с которыми связаны дружеские отношения",	- Cấu trúc so sánh khẳng định Nga, cũng như các quốc gia khác có những vùng có lợi ích sống còn. Trong những vùng như thế có các quốc gia có quan hệ hữu hảo với Nga.

4. Văn bản của Tổng thống Nga Méd-vê-đép trả lời phỏng vấn kênh truyền hình Euronews và truyền hình Ý [5,6]

Мы, <i>конечно</i> , готовы к обсуждению самых разных вопросов на конференциях, на других международных площадках, но при этом <i>хотели бы, чтобы</i> международное сообщество помнило,	- Câu phức hợp bổ ngữ với sự nhắc đi nhắc lại chữ liên từ “кто, какую” cùng với thức giả định làm bật lên tính tế nhị trong quan hệ quốc tế mà Nga quan tâm gìn giữ, đồng thời nhấn mạnh một lần
--	--

<i>кто начал агрессию, кто несет ответственность за гибель людей, какую цену пришлось за это заплатить".</i>	nữa ai là người phải chịu trách nhiệm chính trong xung đột vừa qua.
<i>Это не мы</i> расширяем границы военного присутствия в Европе, <i>Это НАТО</i> делает".	- Câu đơn với từ “это” nhắc lại đối lập ai là người mở rộng sự hiện diện quân sự tại châu Âu. Đó là NATO, chứ không phải Nga.

5. Văn bản liên quan đến việc Mỹ triển khai tên lửa đánh chặn tại Ba Lan (Tuyên bố của Chủ tịch Ủy ban quốc phòng Du-ma Nga Ví-to Da-var-din tại Trung tâm chỉ huy Hạm đội Ban-tic) [7]

У России имеется <i>самое современные высокоточное оружие</i> для авиации и наземных войск, которое будет установлено вблизи позиционных районов НАТОвских сил и средств, в частности, в Польше.	- Dạng so sánh cao nhất của tính từ nhân mạnh Nga có những vũ khí hiện đại nhất trên không và trên mặt đất, với khả năng bắn trúng mục tiêu nhất sẽ được đặt gần các vị trí quân sự của NATO, cụ thể là Ba Lan.
"с учетом складывающейся обстановки <i>надо</i> производить модернизацию того, что имеется на вооружении флота".	- Trạng ngữ chỉ tình thái nêu sự cần thiết khách quan phải hiện đại hoá phương tiện quân sự của Hạm đội.

6. Văn bản đánh giá của các chính khách và phân tích chính trị [8]

Герхард Шредер - Бывший канцлер от СДПГ (1998–2005) полагает, что ошибкой со стороны США было <i>как и обучать грузинские войска, так и устанавливать в Польше и Чехии элементы системы ПРО</i> , передает информационное агентство DPA.	- Cấu trúc so sánh “ <i>как u... так u</i> ” nêu bật sự sai lầm của Mỹ trong việc huấn luyện quân cho Gru-dia cũng như lắp đặt ra-đa và tên lửa đánh chặn ở Cộng hoà Séc và Ba Lan. Đó là ý kiến của Cựu Thủ tướng Đức Her-khar Sre-der.
"Про политическую систему Франции никто не говорит <i>"режим Саркози"</i> , <i>Германии - "режим Меркель"</i> , <i>а Великобритании - "режим Брауна"</i> . А в отношении Грузии можно было сказать - <i>"режим Саакашвили"</i> [9].	- Sử dụng sự khác biệt trong nghĩa của từ vựng Nga và Pháp để tận dụng sự đồng thuật của EC. (Pu-tin bình luận cuộc Họp báo tổng kết Hội nghị thượng đỉnh 1/9 của EC).
Я согласен с господином Саркози. Это уместно. То есть, у нас <i>есть "точки соприкосновения"</i> , - сказал Путин [10]. "Слава Богу, здравый смысл восторжествовал. Никаких крайних выводов мы там не видим",	- Tận dụng, khẳng định điểm chung trong quan hệ song phương. Từ “Lạ chúa” mang lại sắc thái may mắn. Trong các vấn đề phức tạp đôi khi cần một sự may mắn để có thể thành công.

7. Kết luận

1. Văn bản Nga đã sử dụng chính xác những phương tiện ngôn ngữ, trong đó có:

- Cấu trúc so sánh.

- Dạng so sánh cao nhất của tính từ.
- Đại từ bất định.
- Ngạn ngữ tiếng Nga.
- Nhắc đi, nhắc lại từ ngữ với nghĩa “đương nhiên”, không để lại sự hoài nghi, tranh cãi.

- Câu đơn, ngắn gọn tới mức có thể với nội dung đối lập, trái ngược.

- Câu hỏi diễn thuyết (риторический вопрос).

- Câu giả định.

2. Những phương tiện ngôn ngữ trên ở các cấp độ từ vựng, cú pháp với đặc trưng ý nghĩa riêng biệt đã truyền đạt chính xác quan điểm cứng rắn của Nga, song vẫn không làm mất đi tính tế nhị trong các quan hệ quốc tế (đặc biệt khi dùng các đại từ bất định). Việc sử dụng các từ “riêng/từ của tác giả” làm nổi bật sự hóm hỉnh, tinh tế của người nói (Thủ tướng Pu-tin).

3. Trong văn bản đã được phân tích có nhiều yếu tố phi ngôn ngữ được đưa ra như bằng chứng cho lập luận của người nói: Thủ tướng Pu-tin đang ở Bắc Kinh dự khai mạc Ô-lem-pic 2008, ông không thể là người ra lệnh đưa quân Nga vào Gru-dia để giáng trả. Điều này cũng giống như Bác Hồ ở Bắc Kinh nghỉ dưỡng vào Tết Mậu thân 1968, khi quân dân miền Nam đồng loạt nổi dậy, tấn công, tạo bước ngoặt lịch sử trong cuộc chiến. Có vẻ như sự “lánh đi” này là cần thiết trong các quan hệ quốc tế phức tạp.

4. Lợi dụng sự khác biệt trong ngôn ngữ Nga, Pháp để nói về giới cầm quyền của Gru-dia. Từ "режим" của tiếng Nga có nghĩa xấu, trong khi đó từ "régime de monsieur Saakachvili" tiếng Pháp, do Tổng thống Pháp Sar-cô-di sử dụng không hoàn toàn có nghĩa xấu như vậy. (Lịch sử kháng chiến chống Mỹ của Việt Nam cũng đã có trường hợp dùng câu chữ tương tự: Trong Hiệp định Pa-ri năm 1975 thoạt đầu cũng dùng từ “Mỹ”. Sau đó phía Hoa Kỳ đã đòi Việt Nam phải dùng từ “Hoa Kỳ”, từ có nghĩa tốt thay cho từ “Mỹ” có nghĩa xấu vào lúc bấy giờ. Hoặc nữa: chúng ta quen dùng từ “chế độ” trong cụm từ “chế độ bù nhìn Mỹ-Thiệu, chứ không phải cụm từ “Việt Nam Cộng hoà “như trong văn bản chính thức).

Thủ tướng Pu-tin so sánh: Hội đồng châu Âu đã không dùng từ “chế độ” - "режим Саркози", Germany - "режим Меркель", a Великобритания - "режим Брауна". Để chỉ các nước Pháp, Đức, Anh, mà chỉ dùng từ trên

khí nói về Gru-dia “А в отношении Грузии можно было сказать - "режим Саакашвили". Và ông coi đó là điểm gặp nhau “точки соприкосновения” (nghĩa của từ tiếng Nga là “điểm chạm vào nhau”) để có thể tiến hành duy trì các mối quan hệ. Đây thực sự là sự sử dụng tinh tế ngôn ngữ trong các vấn đề chính trị phức tạp.

5. Từ “под опекой” được sử dụng trong các văn bản mang lại sự gần gũi, ấm cúng, ngụ ý nhiều quốc gia nhỏ trong Liên bang Xô Viết trước đây vẫn tồn tại hạnh phúc dưới sự che chở của Nga. Cũng có thể coi như là một lời khuyên tương tự như “Bán anh em xa, mua láng giềng gần” trong tiếng Việt vậy. Có vẻ như trên trường quốc tế chỉ những quốc gia nào thực sự hùng mạnh, thực sự có tiềm lực, mới có được những văn bản cứng rắn, theo ý mình, mà các quốc gia khác phải tính đến khi xây dựng quan hệ đối tác.

6. Ngôn ngữ Nga đã thực sự là công cụ sắc bén được sử dụng chính xác, súc tích, hình ảnh và gợi cảm bởi các bộ óc siêu việt, muốn nhắc nhở thế giới là Liên bang Nga, sau những hỗn loạn vào những năm 90, nay đã trở lại trường quốc tế, với tiềm lực của mình, sẵn sàng bảo vệ công dân Nga, quyền lợi của Nga dù đó là ở đâu và trong bất cứ hoàn cảnh nào.

Tài liệu tham khảo

- [1] Интервью Председателя Правительства Российской Федерации В. В. Путина американской телекомпании "Си-Эн-Эн". Newsru.com. Сочи, 28 августа 2008 г.
- [2] Transcript: CNN interview with Vladimir Putin (CNN).
- [3] В интервью программы "Вести в субботу". РИА Новости. Москва, 6 сен.
- [4] Путин: в Южной Осетии "мы ведем себя абсолютно морально". РИА Новости. 31 августа 2008 г.
- [5] Медведев огласил госканалам пять принципов внешней политики. РИА Новости. 31 августа 2008 г.
- [6] Комитет Госдумы по обороне: у России есть высокоточное оружие, которое можно разместить поближе к Польше. РИА Новости. Госсовет РФ, Москва, 6 сен.

- [7] ПРО США укрепит безопасность Польши, заявил Дональд Туск. РИА Новости. 30 августа 2008 г.
- [8] Владимир Путин, которого попросили прокомментировать итоговую пресс-конференцию саммита ЕС. РИА Новости. 2 сентября 2008 г.
- [9] Путину понравилось, как Саркози назвал грузинскую власть "режимом Саакашвили". Но Саркози не имел в виду ничего плохого. РИА Новости. 2 сентября 2008 г.
- [10] Дмитрий Медведев заявил, что Россия не боится последствий возможного разрыва отношений с НАТО. Newsru.com. 25 августа 2008 г.

Language characteristics in Russian texts relating to armed conflict between Russia and Georgia

Nguyen Quy Mao

*Department of Russian Language and Culture, College of Foreign Languages,
Vietnam National University, Hanoi, Pham Van Dong Street, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

At night on August 7 Georgia launched major ground and air attacks to seize control of South Ossetia, prompting Russia to send into the region tanks and thousand of troops. Russia announced on August 12 the end of its operation to force Georgia to accept peace.

The armed conflict between Georgia and Russia over breakaway South Ossetia -hot topic for world-wide News Agencies, TVs and newspapers. Russian language has been used accurately, perfectly to present Russia's official point of view on the conflict, the relations between Russia, NATO and America. This paper aims to show and analyze some Russian language characteristics in the speeches, interviews of famous politicians.